Kc: Cục Y tế

Văn phòng Bộ GTVT
Kính trình Bộ trưởng Trương Quang Nghĩa

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 65/2017/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2017*

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 23364
29 -05- 2017

NVU gửi

NGHỊ ĐỊNH
Chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu

CỤC Y TẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 933
31 -05- 2017

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật dược ngày 16 tháng 4 năm 2016;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định một số chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu có nguồn gốc thực vật, động vật.

2. Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nuôi trồng, khai thác dược liệu trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giống dược liệu bao gồm giống cây trồng, giống vật nuôi được phát triển từ một hay nhiều bộ phận của thực vật hoặc động vật để sản xuất dược liệu.

2. Giống gốc dược liệu đối với cây lâu năm là cây đầu dòng và vườn cây đầu dòng, cây trội (cây mẹ); đối với cây hàng năm là hạt giống, củ giống được phục tráng, thuần hóa từ tự nhiên hoặc từ sản xuất. Giống gốc dược liệu đối với vật nuôi là giống cụ kỵ, ông bà, bố mẹ, đàn hạt nhân.

3. Giống thương phẩm dược liệu là giống được sử dụng để nuôi trồng tạo ra sản phẩm làm dược liệu mà không sử dụng để nhân giống.

4. Giống dược liệu địa phương là giống được hình thành trong quá trình tiến hóa tự nhiên, đã tồn tại và phát triển ở các địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng chính sách

1. Hỗ trợ trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư nuôi trồng, khai thác dược liệu đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng. Đối tượng được hưởng chính sách đặc thù phải sử dụng vốn đúng mục đích.

2. Tại thời điểm các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư dược liệu đủ điều kiện được hưởng chính sách với các mức ưu đãi, nội dung hỗ trợ khác nhau thì được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, nội dung hỗ trợ đầu tư cao nhất.

3. Bố trí nguồn vốn hỗ trợ theo quy định của chính sách và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

Chương II
CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ

Điều 4. Ưu tiên công nhận giống dược liệu

1. Giống dược liệu địa phương được xem xét bổ sung vào Danh mục giống dược liệu được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam không phải thực hiện khảo nghiệm và công nhận giống mới theo quy định tại Pháp lệnh giống cây trồng 2004, Pháp lệnh giống vật nuôi 2004 và các văn bản hướng dẫn.

2. Giống dược liệu mới do các tổ chức, cá nhân nghiên cứu chọn tạo: Đối với giống cây trồng được xem xét công nhận đặc cách theo quy định tại Pháp lệnh giống cây trồng 2004 và các văn bản hướng dẫn; đối với giống vật nuôi được công nhận giống mới theo quy định tại Pháp lệnh giống vật nuôi 2004 và các văn bản hướng dẫn.

Điều 5. Hỗ trợ sản xuất giống dược liệu

1. Hỗ trợ 01 lần 50% tổng mức đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (cải tạo đồng ruộng, thủy lợi, giao thông nội đồng, nhà lưới, nhà kính, chuồng trại, kho bảo quản, xử lý môi trường) cho các cơ sở nhân giống tập trung có quy mô từ 02 ha trở lên đối với cây dược liệu, 0,5 ha trở lên đối với vật nuôi làm dược liệu, tối đa không quá 02 tỷ đồng/01 cơ sở. Đối với cơ sở sản xuất giống dược liệu ứng dụng công nghệ cao theo tiêu chí do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, mức hỗ trợ tối đa không quá 03 tỷ đồng/01 cơ sở.

2. Hỗ trợ 01 lần 60% chi phí sản xuất giống gốc, 30% chi phí sản xuất giống thương phẩm theo định mức kinh tế kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành. Trường hợp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, mức hỗ trợ tương ứng là 80% và 50%.

3. Hỗ trợ 100% chi phí tập huấn kỹ thuật cho người trực tiếp sản xuất giống theo nội dung và định mức chi quy định tại Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông và các văn bản hướng dẫn.

Điều 6. Hỗ trợ áp dụng công nghệ nuôi trồng và khai thác dược liệu tuân thủ Thực hành nuôi trồng, khai thác dược liệu tốt

1. Xây dựng mô hình áp dụng công nghệ nuôi trồng và khai thác dược liệu tuân thủ Thực hành nuôi trồng, khai thác dược liệu tốt: Hỗ trợ 100% chi phí giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đối với mô hình trồng trọt; 100% chi phí giống, thức ăn, thuốc thú y đối với mô hình chăn nuôi, theo định mức kinh tế kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

2. Hỗ trợ 01 lần 100% chi phí cấp chứng nhận nuôi trồng và khai thác dược liệu tuân thủ Thực hành nuôi trồng, khai thác dược liệu tốt.

3. Hỗ trợ 100% chi phí tập huấn kỹ thuật cho người trực tiếp nuôi trồng và khai thác theo nội dung và định mức chi quy định tại Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông và các văn bản hướng dẫn.

Điều 7. Hỗ trợ nuôi trồng dược liệu tập trung

Hỗ trợ 01 lần 15 triệu đồng/01 ha để xây dựng cơ sở hạ tầng và mua giống dược liệu cho dự án trồng cây dược liệu tập trung có quy mô từ 05 ha trở lên hoặc cho dự án chăn nuôi tập trung có quy mô từ 02 ha trở lên.

Điều 8. Chính sách ưu đãi về đất đai

Tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư nghiên cứu, nhân giống, nuôi trồng dược liệu được hưởng các chính sách ưu đãi về đất đai như sau:

1. Trường hợp được Nhà nước cho thuê đất, thuê mặt nước để nuôi trồng, xây dựng nhà xưởng, kho chứa dược liệu thì được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật đất đai.

Đơn giá thuê đất được tính như sau:

Đơn giá thuê đất hàng năm bằng (=) Tỷ lệ phần trăm (%) nhân (x) Giá đất tính thu tiền thuê đất. Trong đó:

Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất là 0,5%.

Giá đất tính thu tiền thuê đất bằng (=) Giá đất theo mục đích sử dụng tương ứng tại Bảng giá đất nhân (x) với Hệ số điều chỉnh giá đất.

Trường hợp diện tích đất thuê thuộc nhiều địa bàn, khu vực, vị trí có giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất khác nhau thì giá đất tính tiền thuê đất được xác định theo mức giá bình quân gia quyền cho toàn bộ diện tích thuê.

2. Hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai

a) Trường hợp thuê lại đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân thì được Nhà nước hỗ trợ tối đa 40% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho 5 năm đầu kể từ khi dự án đi vào hoạt động; mức hỗ trợ được tính theo đơn giá thuê đất quy định tại khoản 1 Điều 8 của Nghị định này.

b) Trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được miễn, giảm lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Điều kiện được hỗ trợ đầu tư

Các dự án được hưởng chính sách đặc thù quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Nghị định này phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Giống dược liệu phải nằm trong danh mục giống dược liệu được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam hoặc được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống mới.

2. Dự án do tổ chức ngoài công lập và cá nhân đầu tư nuôi trồng dược liệu quy định tại Điều 7 Nghị định này phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận đầu tư. Các trường hợp còn lại phải có dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Vùng nuôi trồng dược liệu phải nằm trong quy hoạch, kế hoạch phát triển đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận nếu chưa có quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

4. Chủ đầu tư phải có cam kết đầu tư vốn đối ứng để thực hiện các hạng mục trong dự án được duyệt (ngoài phần hỗ trợ của ngân sách nhà nước). Trường hợp vay vốn ngân hàng để góp vốn thực hiện dự án phải có hợp đồng vay vốn hoặc văn bản chứng minh.

Chương III
NGUỒN VỐN VÀ CƠ CHẾ HỖ TRỢ

Điều 10. Nguồn vốn

1. Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

2. Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

3. Nguồn vốn tự có, vốn đối ứng của các tổ chức, cá nhân và nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Cơ chế hỗ trợ

1. Ngân sách nhà nước

a) Ngân sách trung ương hỗ trợ các nội dung quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Nghị định này đối với các dự án do cơ quan trung ương thực hiện; dự án thực hiện ở địa bàn kinh tế, xã hội khó khăn; hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương đối với những địa phương chưa cân đối được ngân sách;

b) Ngân sách địa phương hỗ trợ các nội dung quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Nghị định này đối với các dự án do tổ chức, cá nhân tại địa phương thực hiện, trừ các địa phương được hỗ trợ tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Các dự án phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu thuộc danh mục các dự án vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước được vay vốn tín dụng đầu tư theo quy định hiện hành.

Điều 12. Hồ sơ, trình tự, thủ tục

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục bổ sung giống dược liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định này như sau:

a) Hồ sơ gồm

Công văn đề nghị;

Tờ khai kỹ thuật mô tả nguồn gốc, xuất xứ, đặc điểm của giống, lịch sử khai thác, nuôi trồng, địa bàn và quy mô nuôi trồng, quy trình sản xuất (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

b) Trình tự, thủ tục

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi công văn đề nghị bổ sung giống dược liệu vào danh mục giống dược liệu được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân công đơn vị trực thuộc tiếp nhận hồ sơ. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, đơn vị tiếp nhận hồ sơ thành lập Hội đồng khoa học thẩm định, trình Bộ trưởng quyết định bổ sung giống dược liệu vào danh mục giống dược liệu được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam. Trình tự, thủ tục thành lập và quy chế hoạt động của Hội đồng khoa học tuân thủ theo quy định hiện hành về công nhận giống cây trồng, giống vật nuôi.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo cho đơn vị gửi hồ sơ biết để hoàn chỉnh.

2. Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện được hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Điều 5, Điều 6 của Nghị định này thực hiện hỗ trợ đầu tư theo tiến độ của dự án. Trình tự, thủ tục đề xuất, thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định tại Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

3. Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện được hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này thực hiện hỗ trợ sau đầu tư. Hồ sơ, trình tự, thủ tục như sau:

a) Hồ sơ gồm:

Giấy đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

Báo cáo dự án đầu tư.

b) Trình tự, thủ tục

Trước khi thực hiện dự án, tổ chức, cá nhân gửi 03 bộ hồ sơ tới Sở Kế hoạch và Đầu tư của địa phương nơi đăng ký sản xuất.

Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản thẩm tra (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cam kết hỗ trợ vốn cho tổ chức, cá nhân (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

Trường hợp sử dụng ngân sách trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi toàn bộ hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị thực hiện dự án (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trong thời hạn tối đa 20 ngày làm việc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến của Bộ Tài chính, căn cứ vào khả năng cân đối vốn, xem xét để có văn bản cam kết hỗ trợ vốn cho tổ chức, cá nhân (theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ.

Sau khi hoàn thành giai đoạn đầu tư cơ sở hạ tầng và hoạt động nuôi trồng dược liệu theo kế hoạch của năm thứ nhất, tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nghiệm thu kết quả.

Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức nghiệm thu dự án. Biên bản nghiệm thu khối lượng (theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) là căn cứ để giải ngân vốn hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân.

Thủ tục nhận hỗ trợ: Sau khi có biên bản nghiệm thu, tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị giải ngân hỗ trợ (theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này), biên bản nghiệm thu, quyết định hỗ trợ vốn của cơ quan có thẩm quyền gửi Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh để được giải ngân.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của bộ, ngành trung ương

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ bổ sung và công nhận giống dược liệu; quyết định công nhận giống dược liệu mới và bổ sung giống dược liệu vào danh mục giống dược liệu được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam;

b) Phê duyệt các nhiệm vụ khoa học, dự án hỗ trợ đầu tư từ ngân sách trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;

c) Tổng hợp kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Ban hành định mức kinh tế, kỹ thuật nhân giống; xây dựng mô hình áp dụng công nghệ nuôi trồng và khai thác dược liệu tuân thủ Thực hành nuôi trồng, khai thác dược liệu tốt.

2. Bộ Y tế

a) Chủ trì xây dựng và ban hành quy chuẩn quốc gia về chất lượng giống cây trồng, vật nuôi sử dụng làm dược liệu;

b) Phê duyệt các nhiệm vụ khoa học, dự án hỗ trợ đầu tư từ ngân sách trung ương do Bộ Y tế quản lý;

c) Tổng hợp kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Y tế, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Ưu tiên bổ sung các nhiệm vụ khoa học công nghệ về giống, nuôi trồng và khai thác dược liệu;

b) Tăng cường đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ cho các tổ chức khoa học và công nghệ nhằm phát triển dược liệu;

c) Phê duyệt các nhiệm vụ khoa học, dự án hỗ trợ đầu tư từ ngân sách trung ương do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý;

d) Tổng hợp kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Khoa học và Công nghệ, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Phê duyệt các nhiệm vụ khoa học, dự án hỗ trợ đầu tư từ ngân sách trung ương do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý;

b) Tổng hợp kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Bố trí vốn đầu tư theo chức năng được giao phù hợp với phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành;

b) Cam kết hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân nuôi trồng dược liệu tập trung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định này.

6. Bộ Tài chính

Bố trí vốn sự nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

7. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế quản lý nhập nội nguồn gen dược liệu theo đúng quy định;

b) Phê duyệt các nhiệm vụ khoa học, dự án hỗ trợ đầu tư từ ngân sách trung ương do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý;

c) Tổng hợp kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Lập hồ sơ, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định bổ sung các giống dược liệu địa phương vào danh mục giống dược liệu được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam.

2. Xây dựng, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch vùng sản xuất giống, vùng nuôi trồng dược liệu tập trung.

3. Cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương để đảm bảo thực hiện hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị định này.

4. Phê duyệt các nhiệm vụ khoa học, dự án đầu tư từ ngân sách địa phương.

5. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 của Nghị định này.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 7 năm 2017.

2. Nghị định này thay thế nội dung hỗ trợ trồng cây dược liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn.

3. Doanh nghiệp có dự án trồng cây dược liệu được phê duyệt và đáp ứng các điều kiện hỗ trợ quy định tại Nghị định này nếu chưa nhận hỗ trợ theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 thì được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp đã và đang thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 thì tiếp tục hưởng hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (3b).KN 205

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Phúc

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC Y TẾ

Số: 447 /SY-CYT

SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2017

Nơi nhận:
- Các đơn vị trực thuộc (qua Website Cục Y tế);
- Cục trưởng, các Phó Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, NVYD.

TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG NVYD & TTBYT

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC Y TẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Nguyễn Thanh Hiếu

Phụ lục

DANH MỤC CÁC MẪU BIỂU

(Kèm theo Nghị định số 65/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Tờ khai kỹ thuật về giống dược liệu đề nghị bổ sung vào danh mục giống cây trồng, vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam
Mẫu số 02	Đề nghị hỗ trợ sau đầu tư đối với Dự án trồng dược liệu theo Nghị định số...../2017/NĐ-CP ngày..... tháng.... năm 2017 của Chính phủ
Mẫu số 03	Văn bản báo cáo kết quả thẩm tra hỗ trợ đầu tư (của Sở Kế hoạch và Đầu tư)
Mẫu số 04	Văn bản cam kết hỗ trợ vốn (đối với ngân sách địa phương)
Mẫu số 05	Văn bản đề nghị thực hiện dự án trồng dược liệu sử dụng ngân sách trung ương (của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
Mẫu số 06	Văn bản cam kết hỗ trợ vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Mẫu số 07	Biên bản nghiệm thu
Mẫu số 08	Văn bản đề nghị thanh toán hỗ trợ

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày ... tháng ... năm...

TỜ KHAI KỸ THUẬT VỀ GIỐNG DƯỢC LIỆU
Đề nghị bổ sung vào danh mục giống cây trồng, vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam

1. Tên giống:.....thuộc loài.....;

2. Nguồn gốc, xuất xứ, phương pháp chọn tạo.....;

3. Mô tả rõ về đặc điểm của giống (mô tả theo các đặc điểm hình thái đối với các loài thực vật, động vật kèm theo hình ảnh, bản vẽ mô tả, minh họa);

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính của giống: Thời gian sinh trưởng, giá trị sử dụng làm dược liệu....

5. Lịch sử nuôi trồng, khai thác (nêu rõ thời gian bắt đầu xuất hiện hoặc bắt đầu nuôi trồng, địa điểm nuôi trồng hoặc khai thác, quy mô diện tích, sản lượng);

6. Quy trình kỹ thuật nuôi trồng, khai thác;

7. Các thông tin khác liên quan về giống (nếu có)./.

Ngày .... tháng ... năm .....
Cơ quan lập tờ khai
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:	*....., ngày ... tháng ... năm...*

ĐỀ NGHỊ
HỖ TRỢ SAU ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI DỰ ÁN TRỒNG DƯỢC LIỆU
(Theo Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ)

Kính gửi: .....

Tổ chức, cá nhân: .....;

Loại hình tổ chức : .....;

Địa chỉ: .....;

Điện thoại: ..... Fax .....;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng minh nhân dân số .....do ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm .....

I. ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ SAU ĐẦU TƯ ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN VỚI NỘI DUNG SAU:

1. Tên Dự án: .....;

2. Lĩnh vực đầu tư: .....;

3. Địa điểm thực hiện Dự án: .....;

4. Mục tiêu và quy mô của Dự án: .....;

5. Tổng vốn đầu tư của Dự án: .....;

6. Diện tích đất dự kiến trồng dược liệu:.....;

7. Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm: .....;

8. Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến: .....;

9. Dự kiến thu hoạch trong ..... tháng, nguyên liệu dự trữ để chế biến ..... (tháng) tổng số nguyên liệu đảm bảo ..... tháng/năm.

II. KIẾN NGHỊ HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (theo Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ):

Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

TT	Nội dung	Số tiền	Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú

III. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CAM KẾT: Nội dung hồ sơ đầu tư

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây;

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam./.

Nơi nhận:
-
-

....., ngày ... tháng ..... năm .....
Chức danh người đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:....

Mẫu số 03

ỦY BAN NHÂN DÂN... **SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	....., *ngày ..... tháng ..... năm .....*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân .....

Căn cứ bản đề nghị hỗ trợ số ... ngày ... tháng ..... năm ..... của tổ chức, cá nhân (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị) đề nghị hỗ trợ đầu tư dự án (Tên dự án) và hồ sơ dự án kèm theo; Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo kết quả thẩm tra ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với tổ chức, cá nhân đầu tư vào Dự án....(Tên dự án) theo quy định tại Nghị định số..../2017/NĐ-CP như sau:

I. HỒ SƠ THẨM TRA

1. Giấy đề nghị số:

2. Báo cáo dự án đầu tư:

3. Biên bản kiểm tra thực tế (nếu có):

4. Ý kiến của các cơ quan liên quan:

5. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

II. THÔNG TIN DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Lĩnh vực đầu tư:

3. Mục tiêu và quy mô dự án (mục tiêu sản phẩm đầu ra của dự án, số lượng lao động dự kiến, các hạng mục đầu tư và diện tích đất sử dụng...):

4. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án (nếu có theo quy định của Luật đầu tư):

5. Cấp quyết định đầu tư dự án (Tên tổ chức, cá nhân):

6. Địa điểm thực hiện dự án:

7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án:

8. Dự kiến mức vốn đề nghị Nhà nước hỗ trợ:

9. Thời gian thực hiện:

10. Các thông tin khác (nếu có):

III. TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Tổng hợp ý kiến của các cơ quan phối hợp

IV. Ý KIẾN THẨM TRA CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ

1. Hỗ trợ đầu tư:

- Điều kiện đáp ứng:

- Mức hỗ trợ:

- Thời gian hỗ trợ:

2. Ý kiến khác:

V. KẾT LUẬN

Trên đây là ý kiến thẩm tra ưu đãi, hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân..... thực hiện Dự án ....., kính trình Ủy ban nhân dân .... xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cơ quan tham gia thẩm tra;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu: ...

GIÁM ĐỐC
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04

ỦY BAN NHÂN DÂN...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	....., *ngày ... tháng ... năm...*

VĂN BẢN CAM KẾT HỖ TRỢ
(Đối với ngân sách địa phương)

Căn cứ Nghị định số ..../2017/NĐ-CP ngày....tháng....năm 2017 của Chính phủ chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng và khai thác dược liệu;

Căn cứ bản đề nghị hỗ trợ số ... ngày ... tháng ..... năm ..... của tổ chức, cá nhân (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị) đề nghị, hỗ trợ đầu tư dự án (Tên dự án);

Căn cứ báo cáo thẩm tra số .../BCTT-SKHĐT ngày.... tháng ... năm của Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo kết quả thẩm tra, hỗ trợ đầu tư đối với tổ chức, cá nhân .... đầu tư vào Dự án....(Tên dự án);

Ủy ban nhân dân cam kết hỗ trợ tổ chức, cá nhân ....., thực hiện Dự án (tên dự án):

1. Mức hỗ trợ:

2. Thời gian hỗ trợ:

Yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện đúng các nội dung Dự án đã đăng ký./.

Nơi nhận:	**CHỦ TỊCH**
- Sở ngành để thực hiện hỗ trợ cho doanh nghiệp: Sở KH&ĐT, Sở TC, Sở TN&MT, Sở NN&PTNT, Sở KH&CN, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, UBND cấp huyện;	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
- Doanh nghiệp;	
- Lưu:	

Mẫu số 05

ỦY BAN NHÂN DÂN....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:	*....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Nghị định số...../2017/NĐ-CP ngày....tháng....năm 2017 của Chính phủ chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng và khai thác dược liệu;

Theo đề nghị của Sở..... về việc thẩm tra nguồn vốn hỗ trợ cho dự án.

Ủy ban nhân dân .....đồng ý cho tổ chức, cá nhân .... thực hiện Dự án (tên dự án) và đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư hỗ trợ vốn với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án:

2. Tên tổ chức, cá nhân thực hiện:

3. Địa điểm thực hiện dự án:

4. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể):

5. Thời gian thực hiện:

6. Các thông tin khác (nếu có):

7. Danh mục hồ sơ gửi kèm theo:

- Giấy đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân
- Báo cáo dự án đầu tư
- Báo cáo thẩm tra hỗ trợ
- Tài liệu liên quan khác (nếu có)

Ủy ban nhân dân ..... báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, hỗ trợ vốn từ ngân sách trung ương./.

Nơi nhận:	**CHỦ TỊCH**
- Như trên;	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
- Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT (để có ý kiến);	
- Các cơ quan liên quan khác;	
- Lưu:	

Mẫu số 06

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:	*....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

Kính gửi: .....

Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản số .... ngày... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân....đề nghị hỗ trợ Dự án....., do tổ chức, cá nhân ..... thực hiện. Sau khi xem xét, tổng hợp ý kiến của bộ, ngành có liên quan, căn cứ khả năng cân đối vốn từ ngân sách trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

I. THÔNG TIN DỰ ÁN:

1. Tên dự án:

2. Tên tổ chức, cá nhân thực hiện:

3. Địa điểm thực hiện dự án:

4. Tổng mức đầu tư dự án:

II. NỘI DUNG HỖ TRỢ:

1. Mức vốn:

2. Thời gian:

3. Nguồn vốn:

4. Ý kiến khác:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo để Ủy ban nhân dân tỉnh... biết, thực hiện./.

Nơi nhận:	**BỘ TRƯỞNG**
- Như trên;	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
- Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT;	
- Doanh nghiệp nhận hỗ trợ;	
- Các cơ quan liên quan khác;	
- Lưu:	

Mẫu số 07

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số:	*....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

(Tên tổ chức, cá nhân ....)

1. Dự án: .....

2. Địa điểm thực hiện:.....

3. Thành phần tham gia nghiệm thu:.....

a) Phía Hội đồng nghiệm thu (ghi rõ họ tên, chức vụ, cơ quan và số văn bản cử tham gia làm đại diện).

b) Phía tổ chức, cá nhân:

- Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách đầu tư dự án, hạng mục dự án:

4. Thời gian tiến hành nghiệm thu:

Bắt đầu: ..... ngày..... tháng..... năm.....

Kết thúc:..... ngày..... tháng..... năm.....

Tại: .....

5. Đánh giá dự án, hạng mục dự án:

a) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:

- Văn bản cam kết hỗ trợ vốn.

- Báo cáo dự án đầu tư.

- Biên bản nghiêm thu nội bộ

b) Nghiệm thu khối lượng (đối chiếu định mức hỗ trợ):

Tên hạng mục	ĐVT	Tổ chức, cá nhân đề xuất	Nghiệm thu thực tế	Mức vốn hỗ trợ (tr.đ)

c) Nghiệm thu khối lượng thực tế: Quy mô..... chất lượng..... với số tiền được hỗ trợ.....

d) Các kiến nghị thêm của các thành viên (nếu có).

6. Kết luận của người chủ trì nghiệm thu:

- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành dự án, hạng mục dự án đáp ứng yêu cầu và được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có).

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này; Biên bản này được lập thành ... (... bản) có giá trị pháp lý như nhau, tổ chức, cá nhân giữ 2 bản, kho bạc nhà nước 01 bản, mỗi thành viên giữ 01 bản./.

KÝ TÊN CỦA CÁC THÀNH VIÊN

CHỦ TRÌ
(Chủ trì, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 08

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
V/v thanh toán kinh phí	*....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước.....

Căn cứ Nghị định số..... /2017/NĐ-CP ngày.... tháng ... năm .... của Chính phủ.

Tổ chức, cá nhân: (tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Tài khoản số ..... tại .....

- Lý do thanh toán: Theo..... (kèm theo)

- Nội dung, hỗ trợ:

+ Hạng mục hỗ trợ:

+ .....

Số tiền đề nghị tạm ứng (thanh toán):.....(Viết bằng chữ): .....

- Hồ sơ kèm theo gồm:

Nơi nhận:	**Chức danh người đại diện**
-	**tổ chức, cá nhân**
-	*(Ký tên, đóng dấu)*